

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
(Khu công nghiệp Mai Sơn)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước; Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ;

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước ngày 19/10/2021 của Trung tâm dịch vụ tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 858/TTr-STNMT ngày 16/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Trung tâm dịch vụ tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp (địa chỉ: Số 9, đường Khau Cà, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La) xả nước thải sau khi xử lý của Khu công nghiệp Mai Sơn vào nguồn nước với những nội dung sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: Suối Nậm Pàn là phụ lưu của suối Nậm Bú thuộc lưu vực sông Đà.

2. Vị trí xả nước thải: Xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Tọa độ (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104^0 , múi chiều 3^0): X = 2352852; Y = 505736 (từ hồ ga sau bể khử trùng).

3. Phương thức xả thải: Tự chảy qua đường ống D300.

4. Chế độ xả nước thải: 24 h/ngày đêm.

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất

- Lưu lượng trung bình: 2.200 m³/ngày đêm. tương đương 91,67 m³/h.

- Lưu lượng lớn nhất: 2.500 m³/ngày đêm. tương đương 104,2 m³/h.

6. Chất lượng nước thải: Thông số và giới hạn nồng độ các chất ô nhiễm chính có trong nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT cột A (Giá trị $C_{max} = C \times K_q \times K_f$; $K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$).

Bảng 1. Thông số và giới hạn nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT cột A Giá trị C _{max} (K _q =0,9; K _f =1,0)
1	pH	-	6 - 9
2	BOD5 (20°C)	mg/l	27
3	COD	mg/l	67,5
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	45
5	Asen (As)	mg/l	0,045
6	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,0045
7	Chì (Pb)	mg/l	0,09
8	Cadimi (Cd)	mg/l	0,045
9	Crom (VI)	mg/l	0,045
10	Đồng (Cu)	mg/l	1,8
11	Sắt (Fe)	mg/l	0,9
12	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05
13	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,5
14	Tổng nitơ	mg/l	18
15	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	3,6
16	Coliform	MPN/100ml	3000

7. Thời hạn của giấy phép: 05 năm (*năm năm*) tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Trung tâm dịch vụ tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này. Mọi nội dung thay đổi phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Thực hiện quan trắc nước thải sau khi xử lý và nước nguồn tiếp nhận như sau:

a) Quan trắc tự động, liên tục lưu lượng nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải và nước thải sau khi xử lý tại vị trí hồ ga với các thông số quan trắc: Nhiệt độ, pH, CD, TSS, Amoni và lưu lượng nước thải.

b) Quan trắc định kỳ chất lượng nước thải sau xử lý theo tần suất 03 tháng/lần tại vị trí hồ ga sau xử lý với các thông số như quy định tại Bảng 1 khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này và lưu lượng nước thải, trừ các thông số đã quan trắc tự động, liên tục quy định tại điểm a Khoản này.

Hoàn thành việc lắp đặt và đưa vào vận hành thiết bị quan trắc tự động theo quy định, có thiết bị lấy mẫu tự động và lắp camera giám sát trong vòng 03 tháng kể từ khi hệ thống xử lý nước thải đi vào hoạt động.

c) Nguồn nước tiếp nhận nước thải: 01 điểm tại suối Nậm Pàn sau vị trí tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp; tần suất 02 lần/năm, kết quả phân tích so sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A₂; quan trắc các thông số: pH, BOD₅ (20°C), COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni (NH₄⁺ tính theo N), nitrat (NO₃⁻ tính theo N), Asen, Cd, Cr(VI), Pb, Cu, Fe, phosphat (PO₄³⁻ tính theo P), tổng dầu mỡ, Coliform.

d) Kết quả quan trắc phải đặc trưng cho chất lượng nước thải và chất lượng nước nguồn tiếp nhận (*Thời điểm lấy mẫu phải đúng thời điểm xả nước thải, phương pháp lấy mẫu và phân tích phải đúng theo tiêu chuẩn quy định và do đơn vị có chức năng đảm nhiệm*).

3. Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp phép. Thu gom, xử lý nước thải của toàn bộ các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong Khu công nghiệp theo đúng thiết kế, quy trình vận hành trong hồ sơ đề nghị cấp phép; bảo đảm các thông số chất lượng nước thải sau xử lý luôn nằm trong giới hạn cho phép trước khi xả vào nguồn tiếp nhận. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

4. Chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường đối với các vấn đề có liên quan tới xả nước thải vào nguồn nước. Kết nối kết quả quan trắc tự động, liên tục về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La; chuẩn bị nhân lực, trang thiết bị và các phương tiện, thiết bị cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh và Sở

Tài nguyên và Môi trường nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu đến chất lượng nguồn nước và môi trường do hoạt động xả nước thải của mình gây ra.

5. Không cản trở hoặc gây thiệt hại đến việc khai thác tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác trong khu vực.

6. Trường hợp Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường có nội dung quy định về chất lượng nước thải sau xử lý, thông số, tần suất quan trắc, giám sát nước thải sau xử lý khác với Giấy phép này thì thực hiện theo quy định của Giấy phép này.

7. Hằng năm (trước ngày 30 tháng 01 năm sau của năm báo cáo), tổng hợp báo cáo UBND tỉnh Sơn La (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xả nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải theo quy định.

8. Thực hiện các nghĩa vụ theo qui định tại khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước.

Điều 3. Trung tâm dịch vụ tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, quy trình cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước tại Quyết định này; chịu trách nhiệm về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai sót thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Trung tâm dịch vụ tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định. /

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Quản lý TNN - Bộ TN&MT;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, NN&PTNT;
- BQL các khu công nghiệp tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- UBND huyện Mai Sơn;
- TT dịch vụ tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La;
- Lưu: VT - Hiệu 25 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Hậu